

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày 26/7/2019

V/v “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY – TỈNH TIỀN GIANG.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Ngọc Trứ;**

- Bà **Lý Thị Bé Năm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy – tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Bà **Phạm Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-DS ngày 19/6/2018 về tranh chấp “Mở lối đi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 17/01/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐHPT-DS ngày 20/2/2019 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 11/3/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền nguyên đơn: **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

-Bi đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1967;

Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1 – **Trịnh Thị M**, sinh năm 1963;

2 – **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1995;

3 - **Trần Văn T**, sinh năm 1992;

4 - **Trần Văn Thái A**, sinh ngày 07/8/2003;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

5 – **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1972;

6 – **Huỳnh Văn Sĩ L**, sinh năm 1995;

7 – **Huỳnh Văn Sĩ K**, sinh ngày 13/11/2007;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp cho cháu K là Huỳnh Văn L.

8 – **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1973;

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

(Ông T, bà M, ông L có mặt; bà T, ông H, chị Q, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện ủy quyền nguyên đơn anh Nguyễn Phước T trình bày: Phần đất của hộ ông Huỳnh Văn L nằm phía sau đất của bà Trần Thị M2, sinh năm 1941 cư ngụ Ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; (bà M2 đã chết);

Phần đất của bà M2 giáp đường đi công cộng tại thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2110 m² đất tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã C, Tiền Giang. Sau đó đến phần đất của ông L, tại thửa 230, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.319,4 m² đất tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã C, Tiền Giang. Như vậy từ đường đi công cộng để đi vào đất của ông L phải đi qua phần đất của bà Trần Thị M2 một đoạn 100m. Hộ ông L đã sử dụng lối đi có chiều ngang khoảng 2m, chiều dài 100m qua đất của bà M2 để đi vào đất của ông L từ xưa đến nay.

Sau khi bà Trần Thị M2 qua đời, hai người con của bà M2 là Trần Văn H và Trần Thị P tiếp tục quản lý phần đất của bà M2. Thời gian gần đây, ông H, bà P lầy lý do để bảo vệ tài sản nên không cho hộ của ông L đi trên lối đi qua đất của ông H và bà P nữa, làm cho việc đi lại và sinh hoạt của hộ ông L gặp rất nhiều khó khăn.

Sau nhiều lần thỏa thuận nhưng không thành nên hộ ông L đã làm đơn yêu cầu UBND xã Long Khánh giải quyết nhưng không đạt kết quả. Vì vậy hộ ông L yêu cầu giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị P hiện đang quản lý và sử dụng phần đất do bà M2 chết để lại, mở cho hộ ông L lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài 100m nằm trong phần đất có số thửa thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.110 m², đất tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã C. Hiện nay bà M2 còn đứng tên quyền sử dụng.

- Hộ ông Huỳnh Văn L đồng ý trả tiền giá trị đất và tài sản trên đất cho ông H và bà P theo giá Nhà nước qui định.

- *Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ông Trần Văn H trình bày:*

Nguồn gốc phần đất ông đang ở là của bà Trần Thị M2 chết để lại cho ông và bà Trần Thị P hiện nay trên phần đất này có vợ và các con của ông đang sinh sống trên đó. Trước đây khoảng 10 mấy năm gia đình ông có cho hộ ông Huỳnh Văn L và khoảng 5 – 6 hộ đi nhờ trên đường này. Nay các hộ khác đã có đường đi ra lộ nên không còn đi nhờ trên phần đất của ông nữa. Gần một năm nay ông không cho hộ ông L đi nhờ trên phần đất nữa lý do là phía sau phần đất của ông L đã có đường đan khoảng 1m đi ra đường công cộng. Nay ông L yêu cầu mở lối đi trên phần đất của chúng tôi, chúng tôi không đồng ý.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Trần Thị P trình bày:*

Nguyên trước đây mẹ bà là bà Trần Thị M2, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Đã chết ngày 03/10/2006) được UBND huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 16/8/2002 diện tích 2717 m². Trên thửa đất này trước đây bà M2 còn sống và cho đến nay có 01 lối đi ngang khoảng 01 m, dài 50m, có hộ ông Huỳnh Văn L đi nhờ từ đường đi công cộng vào nhà ông L. Hiện tại bà được biết là hộ gia đình ông L có 01 lối đi khác. Do đó bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông L.

- *Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Q; Huỳnh Văn Sĩ L; Huỳnh Văn Sĩ K (đại diện hợp pháp cháu K ông L) cùng trình bày:*

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L đề nghị buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị P hiện đang quản lý và sử dụng phần đất do bà M2 chết để lại, mở cho hộ ông L lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài 100m nằm trong phần đất có số thửa thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.110 m², đất tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã C. Hiện nay bà M2 còn đứng tên quyền sử dụng.

- Hộ ông Huỳnh Văn L đồng ý trả tiền giá trị đất và tài sản trên đất cho ông H và bà P theo giá Nhà nước qui định.

- *Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Trịnh Thị M; Trần Thị Cẩm T; Trần Văn T; Trần Văn Thái A cùng trình bày:*

Không đồng ý yêu cầu của hộ ông Huỳnh Văn L yêu cầu mở lối đi qua phần đất của hộ Trần Văn H và Trần Thị P, vì hộ ông L đã có lối đi khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngày 14/12/2018 hộ ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ông bà có mua của bà Trần Thị M2 là mẹ ruột của ông H, bà P phần đất diện tích 500 m² lúc bà M2 còn sống; mua vào năm 1996 Nhưng chưa làm thủ tục sang tên chỉ nói miệng với nhau chứ không có làm thủ tục mua bán. Trước đây bà M2 còn sống vẫn cho hộ ông L sử dụng lối đi này. Nay ông L yêu cầu mở lối đi chúng tôi không đồng ý.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 05/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và biên bản xác minh ngày 17/01/2018 của công chức chuyên môn UBND xã thì hộ gia đình của ông Huỳnh Văn L chỉ có một lối đi thuận tiện nhất để đi ra đường chính là lối đi qua phần đất của hộ ông Trần Văn H. Hội đồng hòa giải đề nghị gia đình ông H nên có thỏa thuận hợp lý với ông L, để cho ông L được mở một lối đi ra đường chính qua phần đất của ông H.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thành lập hội đồng định giá để định giá và xem xét thẩm định, đo đạc, định giá phần đất và tài sản trên đất ông L yêu cầu mở lối đi ngang 2m dài 100m.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên bản hòa giải ngày 05/2/2018 của Ủy ban nhân dân xã Long Khánh, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy ủy quyền, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét, thẩm định tại

chỗ ngày 17/10/2018, biên bản định giá ngày 17/10/2018 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị P, các thành viên trong hộ gia đình và hộ ông H bà T mở lối đi ngang 02 mét, dài (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Huỳnh Văn L hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất của lối đi theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương theo biên bản định giá tài sản ngày 17/10/2018 và các tài sản trên đất cho ông H bà P.

Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại Tòa hôm nay, Đại diện ủy quyền phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Trần Văn H; bà Trần Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Trần Thị Cẩm T; Trần Văn T; Trần Văn Thái A nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L đại diện ủy quyền anh Nguyễn Phước T yêu cầu bị đơn hộ gia đình ông Trần Văn H, bà Trần Thị P mở lối đi qua bất động sản liền kề là tranh chấp về dân sự, đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại thị xã Cai Lậy, căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

[4] **Nội dung vụ án:** Phần đất của hộ ông Huỳnh Văn L nằm phía sau đất của bà Trần Thị M2, sinh năm 1941 cư ngụ Ấp M, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; (bà M2 chết năm 2006 không để lại di chúc);

Phần đất của bà M2 giáp đường đi công cộng tại thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2110 m² (Đo đạc thực tế là 2.347,1 m²) đất tọa lạc tại Ấp M, xã B, thị xã C, Tiền Giang (Hiện tại ông H và bà P đang quản lý sử dụng). Như vậy từ đường đi công cộng để đi vào hộ của ông L phải đi qua phần đất của bà Trần Thị M2 một đoạn khoảng 100m. Hộ ông L đã sử dụng lối đi này có chiều ngang khoảng 2m,

chiều dài 100m qua đất của bà M2 để đi vào đất của ông L từ rất lâu cho đến khi bà M2 chết thì hộ ông H không cho hộ ông L đi nữa.

Sau khi bà Trần Thị M2 qua đời, hai người con của bà M2 là Trần Văn H và Trần Thị P tiếp tục quản lý phần đất của bà M2. Thời gian gần đây, ông H, bà P lấy lý do để bảo vệ tài sản nên không cho hộ của ông L đi trên lối đi qua đất của ông H và bà P nữa, làm cho việc đi lại và sinh hoạt của hộ ông L gặp rất nhiều khó khăn, không có lối đi nào khác ngoài lối đi này. Hiện tại hộ ông L phải đi vòng đường vườn của các hộ lân cận rất khó khăn cho việc vận chuyển, đi lại sinh hoạt trong cuộc sống.

Sau nhiều lần hộ ông L thỏa thuận với ông H bà P mở lối đi qua phần đất của bà M2 (chết để lại) và hộ ông L sẽ hoàn giá trị lối đi và tài sản có trên đất nhưng ông H bà P không đồng ý. Nên hộ ông L đã làm đơn yêu cầu UBND xã Long Khánh giải quyết nhưng không đạt kết quả. Vì vậy hộ ông L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị P hiện đang quản lý và sử dụng phần đất do bà M2 chết để lại, mở cho hộ ông L lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài 100m nằm trong phần đất có số thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.110 m², đất tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã C. Hiện nay bà M2 còn đứng tên quyền sử dụng.

- Hộ ông Huỳnh Văn L đồng ý trả tiền giá trị đất và tài sản trên đất cho ông H và bà P theo giá Nhà nước qui định.

- Hiện tại thửa đất số 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.110 m² lúc bà M2 còn sống chưa sang tên lại cho các con của bà là ông H và bà P. Trên phần đất này ngoài hộ ông H, bà P đang quản lý còn có hộ của ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị T cũng đang ở trên phần đất này. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2018 thì ông H và bà T cho rằng vào năm 1996 ông bà có mua của bà M2 phần đất 500 m² (mua không có giấy tờ, chỉ nói miệng) đến nay ông H, bà T chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy trình bày của ông H, bà T không có gì chứng minh cho việc mua bán với bà M2, hiện tại bà M2 vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó nếu sau này phát sinh tranh chấp các bên sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Tuy nhiên trên phần đất mà ông L yêu cầu mở lối đi có đi qua phần đất mà ông H, bà T (ngang 2m dài khoảng 9,56m), ông H, bà T cho rằng đã mua của bà M2. Hiện ông H bà T có trồng 01 cây dừa và 01 cây mít tại biên bản xác minh ngày 14/12/2018 ông H, bà T không đồng ý mở lối đi cho hộ ông L và cũng không yêu cầu bồi thường. Xét thấy 01 cây dừa và 01 cây mít là do ông H, bà T trồng do đó cần hoàn giá trị tiền 02 cây trên cho ông H bà T là phù hợp.

Tại biên bản xác minh ngày 19/9/2018, thực tế phần đất của hộ ông Huỳnh Văn L tại thửa số 230, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.319,4m². Hiện tại phần đất hộ ông L đi ra đường đi công cộng chỉ có một lối đi duy nhất đi qua phần đất của hộ Bà M2 (hiện ông H bà P) đang quản lý. Ngoài ra không còn lối đi nào khác. Hiện tại lối đi này hộ ông L đã đi trên 20 năm đã có đồ đá xanh mà trước đây bà M2 còn sống vẫn cho hộ ông L đi qua.

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ ở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên, nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù.

Như vậy, yêu cầu của hộ ông L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Buộc hộ ông Huỳnh Văn L phải đền bù toàn bộ giá trị phần đất và tài sản trên đất phần đất được mở lối đi theo giá thực tế. Theo biên bản định giá tài sản ngày 17/10/2018 của hội đồng định giá đã xác định như sau:

* Tổng diện tích mở lối đi là: $141,8m^2 \times 65.000 \text{ đồng}/m^2 = 9.217.000 \text{ đồng}$.

* Tài sản trên lối đi gồm:

- 07 cây mít loại A: $07 \times 800.000/\text{cây} = 5.600.000\text{đ}$;
- 02 cây dừa loại B1 (mới có trái): $02 \times 760.000\text{đ}/\text{cây} = 1.520.000 \text{ đồng}$;
- 01 cây xoài loại B1: $01 \times 780.000\text{đ}/\text{cây} = 780.000 \text{ đồng}$;
- 01 cây sầu riêng loại C: $01 \times 80.000\text{đ}/\text{cây} = 80.000 \text{ đồng}$;
- 03 cây chuối (1 bụi chuối) loại A: $01 \times 160.000\text{đ}/\text{bụi} = 160.000 \text{ đồng}$;
- 01 cây mận loại B1: $01 \times 250.000\text{đ}/\text{cây} = 250.000 \text{ đồng}$;
- 01 cây xanh (cây lầy gỗ) $01 \times 60.000\text{đ}/\text{cây} = 60.000 \text{ đồng}$;

Tổng cộng hoàn giá trị tiền của diện tích lối đi và tài sản trên lối đi là: 17.667.000 đồng.

Hội đồng định giá đã căn cứ vào Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 259; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 248, Điều 254, Điều 357 Bộ luật dân sự,

- Căn cứ Điều 95; Điều 171 Luật đất đai; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Huỳnh Văn L về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị P và các thành viên trong hộ gia đình của ông H (bao gồm Trịnh Thị M; Trần Thị Cẩm T; Trần Văn T; Trần Văn Thái A) và hộ ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị T phải mở cho hộ ông Huỳnh Văn L một lối đi trên thửa đất số thửa 959, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.110 m². (Qua đo đạc thực tế là 2347.1m²) đất tọa lạc Ấp M, xã B, thị xã C. Đất được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 16/8/2002 vào sổ số 00814 do bà Trần Thị M2 đứng tên. Với diện tích ngang 02 m, dài: Có Hướng bắc giáp rạch công cộng; phía tây giáp đường đá; phía nam giáp với Ngô Văn K; phía đông giáp hộ ông Huỳnh Văn L: Tổng diện tích là 141,8 m². (có bản vẽ kèm theo).

Buộc hộ ông Huỳnh Văn L (bao gồm Nguyễn Thị Q; Huỳnh Văn Sĩ L; Huỳnh Văn Sĩ K) phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho hộ ông Trần Văn H; bà Trần Thị P và các thành viên trong hộ ông H số tiền: 16.107.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm lẻ bảy nghìn).

Buộc hộ ông Huỳnh Văn L (bao gồm Nguyễn Thị Q; Huỳnh Văn Sĩ L; Huỳnh Văn Sĩ K) phải đền bù cho ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thanh T 01 cây dừa và 01 cây mít số tiền là: 1.560.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký đất đai theo Điều 95 Luật Đất Đai.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn và người liên quan chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H và bà Trần Thị P phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Văn L phải chịu 883.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Huỳnh Văn L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001620 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên phải nộp tiếp số tiền còn lại là 583.350 đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TG
- VKSND . TXCL
- Chi cục THADS.TXCL
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hòa Hợp